

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/09/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2	7:25	17	0		14	0	
2		CLO+TD5	7:25	18+0	0+0		20+0	0+0	CHUYEN 2 CLO- TD5
3		RP1+P2	7:25	13+9	0+0		11+11	0+0	
4		TD1	7:25	21	0		21	0	
5		P5+GTC1+RP2	9:25	1+1+16	0+0+0		0+1+21	0+0+0	CHUYEN 4 P5 GTC1
6		RP3+P2+P4	9:25	16+6+1	0+0		16+4+2	0+0	1 NGUOI P4 XNXL ME MAT
7		RP2+VSP02-RC3	9:25	14+6	0+0		11+11	0+0	
8		BK8+TD3	11:25	1+9	0+0		1+21	0+0	SU CO BK8- DVL 1 DI

TTĐĐSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 07:32
FLIGHT: 1	TO: TD2	CREW: Phương - MMinh	ETA: 10:30
CAM-1A			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LAI MINH HOANG	TD2	32	1	2		82	PVD	Vietnamese
2	NGUYEN ĐỨC BÌNH	TD2	35	1	5		67	PVD	Vietnamese
3	ZELENSKII A.I	TD2	24	1	5		76	KH-THAC	Russian
4	PHAM GIÁP TRÍ	TD2	23	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese
5	DƯƠNG VĂN THÔNG	TD2	28	1	7		61	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ ANH TUẤN	TD2	20	1	3	60	56	KH-THAC	Vietnamese
7	HỒ ĐÌNH HUY	TD2	27	1	2		59	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN VIỆT TÙNG	TD2	31.	1	2		71	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ HÙNG TUẤN	TD2	22	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ HỒNG QUANG	TD2	25-26	2	7		73	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ VĂN CƯỜNG	TD2					70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN ĐAN	TD2					65	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VĂN SƠN	TD2	29	1	2		61	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HUY DU	TD2	21	1	2		90	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐỖ THANH TÙNG	TD2	30	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
16	DOAN MINH TUAN	TD2	38	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN DINH TUAN	TD2	33-34	2	20		57	KH-THAC	Vietnamese
18	HỒ CHIẾN THANG	TD2	36	1	10		60	CO DIEN	Vietnamese
19	NGUYEN QUOC BIEU	TD2	37	1	5		64	CO DIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	19	19	89	1.305	60	14		
TOTAL		19	19	89	1.305	60	14		
WEIGHT KG				89	1.305	60			

GRAND TOAL: 1.454 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/09/2020	TO: CLO - TD5	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Hồi - TRƯỜNG - QTrưởng	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SUKHOMLIN	CLO	53	1	7		120	KHOAN	Russian
2	TU QUỐC VIỆT*TT	CLO	60	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN PHU VINH	CLO	70	1	5	20	60	KHOAN	Vietnamese
4	VƯƠNG NGỌC HOÀN	CLO	61	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM VĂN DUY	CLO	54	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
6	BUI TRẦN NAM	CLO	63	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN VỊNH	CLO	67	1	9		72	KHOAN	Vietnamese
8	LAM XUÂN TU	CLO	58	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
9	ĐANG DUY LY	CLO	62	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN PHỒN	CLO	59	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
11	HOÀNG VĂN SANG	CLO	55	1	2		55	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN CHÍ NGHIỆP	CLO	68-69	2	8		80	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ VĂN TUÂN	CLO	66	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
14	NG. HỮU TÀI*CAM-PVDT	CLO	56	1	4		82	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ MẠNH HÙNG	CLO	52	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT THẮNG	CLO	65	1	8		76	NIPI	Vietnamese
17	DƯƠNG ĐÌNH DUNG	CLO	64	1	2		75	PSV	Vietnamese
18	NGÔ THẾ ANH	CLO	57	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	18	19	93	1.308	20	20	2	CHUYEN 02 PAX TU CLO SANG TD5
2	TD5	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		18	19	93	1.308	20	22		
WEIGHT KG				93	1.308	20			

GRAND TOAL: 1.421 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	TO: RP1 - P2	CREW: HUNG - MTHAO - Luy	ETA: 09:15
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN DOANH	RP1	73	1	4		65	VIỆT PHA	Vietnamese
2	PHẠM MINH TUÂN	RP1	76	1	5	44	58	T-TIN	Vietnamese
3	NGUYỄN QUỐC HOÀN	RP1	36	1	4	20	65	PSV	Vietnamese
4	HA QUỐC VINH	RP1	37	1	5		70	PSV	Vietnamese
5	NGUYỄN VIỆT DŨNG	RP1	33	1	5		79	PSV	Vietnamese
6	LÊ VĂN QUY	RP1	38	1	9		70	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN HUÂN	RP1	74	1	5		70	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN CÔNG MẠNH	RP1	34	1	5		82	PSV	Vietnamese
9	VÕ TRỌNG CÂN	RP1	24	1	7		64	HA VIỆT	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN THUY	RP1	32	1	8		50	HA VIỆT	Vietnamese
11	TRAN VIET TUAN	RP1	31	1	8		58	HA VIỆT	Vietnamese
12	LE QUANG HAI	RP1	35	1	7		55	HA VIỆT	Vietnamese
13	ĐỖ TRUNG SỸ	RP1	75	1	5		67	HA VIỆT	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HOÀN	P2	91-92	2	16		71	XAYLAP	Vietnamese
15	VÕ VĂN HIỆP	P2	90	1	12		71	XAYLAP	Vietnamese
16	BUI TRỌNG TRIU	P2				24	68	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN XUÂN TỨC	P2				22	55	XAYLAP	Vietnamese
18	TÀ QUỐC CHINH	P2				24	75	XAYLAP	Vietnamese
19	ĐỖ XUÂN HIỆP	P2				21	75	XAYLAP	Vietnamese
20	VŨ THANH LONG	P2				25	84	XAYLAP	Vietnamese
21	DƯƠNG SỸ CHIẾN	P2	80	1	14		66	XAYLAP	Vietnamese
22	TRẦN DUY ANH	P2	93-94	2	14		70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	13	13	77	853	64	11		
2	P2	9	6	56	635	116	11		
TOTAL		22	19	133	1.488	180	22		
WEIGHT KG				133	1.488	180			

GRAND TOAL: 1.801 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 4	TO: TD1	CREW: Vận - VLin - THỤ	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN BAO	TD1	88	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
2	HOANG TUAN ANH	TD1	75-76	2	12		70	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH LUÂN	TD1	69	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
4	PHAM ĐÔI	TD1	81	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VIỆT CHUONG	TD1	89	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN TUÂN ĐẠT	TD1	84	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
7	ĐINH VĂN ĐIỀN	TD1	82	1	7		71	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM ĐĂNG NINH	TD1	85	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN NAM	TD1					78	KHOAN	Vietnamese
10	ĐOÀN VĂN KHÁNH	TD1					72	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG HÙNG	TD1	72	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ VĂN KIẾN	TD1	83	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
13	ĐỖ MINH DŨNG	TD1	26	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ VĂN TRƯỞNG*PVDĐT	TD1	80	1	6		63	KHOAN	Vietnamese
15	HỒ VĂN HẬU	TD1	79	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
16	ĐỖ QUANG LỤC	TD1	78	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN TỊNH	TD1	73	1	8		74	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ XUÂN TUNG	TD1	71	1	12		68	ANTOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN HIỂN	TD1	77	1	4		72	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN MẠNH	TD1	74	1	8		59	DVL	Vietnamese
21	VŨ ĐÌNH CHIẾN	TD1	70	1	5		74	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	21	20	124	1.474	0	21		
TOTAL		21	20	124	1.474	0	21		
WEIGHT KG				124	1.474	0			

GRAND TOAL: 1.598 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 5	TO: P5 - GTC1 - RP2	CREW: QViệt - Hồi - QTrưởng	ETA: 11:20
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ TRUNG KIÊN	P5	49	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
2	SOKOLIUK S.M.	GTC1	41	1	10	40	85	KH-THAC	Russian
3	PHẠM VĂN BAN	RP2	800	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN KHẮC SANG	RP2	07	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	SYSTEROV ROMAN	RP2	09-10	2	12		78	KH-THAC	Russian
6	ĐẠO VĂN TUÂN	RP2	08	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG ĐÌNH YÊN	RP2	01	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM BA HOÀNG	RP2	14-15	2	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN THANH	RP2	16	1	6	60	65	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG XUÂN KHOA	RP2					65	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN THANH TUÂN	RP2	04	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM QUANG LỢI	RP2	03	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT NHƯỞNG	RP2	99	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	RP2	02	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ CHÍ CUÔNG	RP2	06	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
16	TẠ VĂN VIỆT	RP2	05	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HỒNG QUANG	RP2	11	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TÀI	RP2	12-13	2	11		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	1	1	10	75	0	0	4	CHUYEN 4 PAX P5 SANG GTC1
2	GTC1	1	1	10	85	40	1		
3	RP2	16	18	89	1.061	60	21		
TOTAL		18	20	109	1.221	100	22		
WEIGHT KG				109	1.221	100			

GRAND TOAL: 1.430 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/09/2020	TO: RP3 - P2 - P4	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:45
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - Luy	ETA: 11:25
cam-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN HOÀNG	RP3	01	1	3		88	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN TUÂN	RP3	14-15	2	13		72	KHI	Vietnamese
3	VŨ VĂN NGHỊ	RP3	17-18	2	11	57	70	KHI	Vietnamese
4	HOÀNG PHƯƠNG NAM	RP3	16	1	7	31	63	KHI	Vietnamese
5	PHẠM HỒNG LINH	RP3	07	1	4		74	KHI	Vietnamese
6	TRẦN VƯƠNG HUNG	RP3					81	KHI	Vietnamese
7	TRẦN VĂN HIẾU	RP3	11-12	2	20		79	NIPI	Vietnamese
8	NGUYỄN MẠNH KHOAN	RP3	13	1	4		57	NIPI	Vietnamese
9	HOÀNG ĐÌNH CHIẾN	RP3	05	1	4		65	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN HIẾU	RP3	09	1	5		50	PSV	Vietnamese
11	PHAN SỸ CAO	RP3	03	1	4		65	PSV	Vietnamese
12	TRẦN BA MẬU	RP3	04	1	5		66	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN HIẾU	RP3	08	1	4		58	PSV	Vietnamese
14	ĐỖ ĐỨC CHI	RP3	10	1	7		58	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÌNH TIỆN	RP3	06	1	5		68	PSV	Vietnamese
16	VŨ HỮU TRƯỞNG	RP3	02	1	7		68	PSV	Vietnamese
17	TRẦN ĐỨC CHIN	P2	02-03	2	20	50	68	XAYLAP	Vietnamese
18	HOÀNG VĂN HỒNG	P2	05	1	12		97	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	P2	01	1	9		61	XAYLAP	Vietnamese
20	HOÀNG VĂN NAM	P2	04	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN TIẾN DŨNG	P2	08-09	2	20		74	XAYLAP	Vietnamese
22	PHẠM MINH TRUNG	P2	06-07	2	10		88	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	16	18	103	1.082	88	16		
2	P2	6	9	81	448	50	4		
3	P4	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	27	184	1.530	138	22		
WEIGHT KG				184	1.530	138			

GRAND TOAL: 1.852 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:00
FLIGHT: 7	TO: RP2 - VSP02 - RC3	CREW: Vận - VLinH - THỤ	ETA: 12:30
NAU-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN VĂN LÝ	RP2	96-97	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THÀNH DUY	RP2	89-90	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN QUỐC VINH	RP2	98	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP2	87-88	2	18	35	75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VŨ QUYỀN	RP2	93	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐINH VĂN QUÂN	RP2	99	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
7	TÀNG VĂN ĐỨC	RP2	91	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ DUY QUYỀN	RP2	94	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN QUỐC KHÁNH	RP2					80	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN LÊ KHÔI	RP2	96-97	2	6		85	T-TIN	Vietnamese
11	CAO DUY LŨNG	RP2	92	1	5		65	GETRACO	Vietnamese
12	LÊ NGUYỄN DUY THÔNG	RP2	95	1	5		50	GETRACO	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	RP2	86	1	12		67	YTE	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC ANH TUAN	VSP02	69	1	5		75	D-HANH	Vietnamese
15	BUI DINH PHI	VSP02	67-68	2	10		60	NIPi	Vietnamese
16	LUU THE ANH	VSP02	70	1	6		78	KHTHAC	Vietnamese
17	ĐỖ NGUYỄN HỒNG THANH	RC3	60	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC TÂN	RC3	04	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TÂN HỒNG	RC3	3000	1	5	15	67	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ TUÂN ANH	RC3	61	1	7	50	65	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐẶNG HOANG ANH	RC3	06	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ VĂN QUYỀN	RC3	05	1	5		53	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	13	16	94	887	35	11		
2	VSP02	3	4	21	213	0	0		
3	RC3	6	6	37	412	65	11		
TOTAL		22	26	152	1.512	100	22		
WEIGHT KG				152	1.512	100			

GRAND TOAL: 1.764 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:30
FLIGHT: 8	TO: TD3	CREW: QViệt - Hôi - DTùng	ETA: 13:00
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐỨC HAI	TD3	01	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI VĂN NINH	TD3	11-12	2	12		67	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN CÔNG HOÀNG	TD3	09	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN CÔNG TUYẾN	TD3	10	1	3	30	75	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN HUYỀN	TD3	04	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGÔ TUẤN ANH	TD3	07	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC LANG	TD3	02-03	2	15		55	T-TIN	Vietnamese
8	LÊ VĂN LỢI	TD3	05-06	2	17		67	T-TIN	Vietnamese
9	TÔ CÔNG TẠNH	TD3	08	1	7		67	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	9	12	80	602	30	22		
	TOTAL	9	12	80	602	30	22		
	WEIGHT KG			80	602	30			

GRAND TOAL: 712 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/09/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+CTK3	7:25	17	0		17+1	0	NGUOI NHA CTK3-XNKT MAT
2		AMD	9:25	19	0		22	0	
3		TD2	11:25	15	0		10	0	
4		AMD+TGTH5	11:25	0+0	0+0		6+16	0+0	

TTĐĐSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ TD2 ĐI VỀ TRONG NGÀY 1 DVL



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: TD2 - CTK3	CREW: Hoài - Toàn	ETA: 10:40
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ ĐỨC THỌ	TD2	52	1	2		75	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG HOÀNG	TD2	56	1	6		62	DVL	Vietnamese
3	OZEROV VITALII	TD2	44	1	4		89	DVL	Russian
4	CAO ĐỨC VIỆN	TD2	43	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	48	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
6	ĐẶNG VĂN ĐÀO	TD2	45	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN VĂN HÙNG	TD2	47	1	6	27	76	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN TÀI THUYẾT	TD2	42	1	2		55	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN VĂN TÚ	TD2	46	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM THẾ LONG*CAM-PVDT	TD2	51	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ HAI SƠN	TD2	53	1	4		82	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ XUÂN PHƯƠNG	TD2	50	1	8		67	KHOAN	Vietnamese
13	HỒ VĂN HÙNG	TD2	55	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN QUỐC VIỆT*MC-PVD	TD2	54	1	8		62	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN MẠNH TRƯỜNG	TD2	49	1	12		78	DVL	Vietnamese
16	CAO TRỌNG TIỀN	TD2	57	1	10		62	MI-SWASC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	16	16	96	1.114	27	17		
2	CTK3	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		16	16	96	1.114	27	18		
WEIGHT KG				96	1.114	27			

GRAND TOAL: 1.237 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:00
FLIGHT: 2	TO: AMD	CREW: Hôi - XHOÀN - Toan	ETA: 10:40
HONG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN AN	AMD	69-70	2	15		68	HLJOC	Vietnamese
2	TRAN MINH KIEN	AMD	87-89	3	15		68	HLJOC	Vietnamese
3	NGUYEN VO BA LINH	AMD	92,75	2	15		69	HLJOC	Vietnamese
4	NGUYEN KIM TUAN	AMD	500,85	2	15		91	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYEN QUOC HAI	AMD	52-53	2	10		50	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYEN VAN TINH	AMD	65-66	2	15		74	CODIEN	Vietnamese
7	TRAN MINH TUNG	AMD	67-68	2	15		77	CODIEN	Vietnamese
8	HÔ THẾ BÌNH	AMD	73	1	12		61	NHATHAU	Vietnamese
9	LÊ VIỆT QUỐC HUY	AMD	71-72	2	15		64	NHATHAU	Vietnamese
10	TRAN QUOC TRUNG	AMD	74,86	2	12		67	NHATHAU	Vietnamese
11	NGUYEN DINH VAN	AMD	91	1	10		69	NHATHAU	Vietnamese
12	LÊ TRUNG LỘC	AMD	90	1	10		50	NHATHAU	Vietnamese
13	NGUYEN HUU TRONG	AMD	51	1	12		60	NHATHAU	Vietnamese
14	LIÊN KIM TAI	AMD	54	1	10		61	NHATHAU	Vietnamese
15	NGUYEN ANH TUAN	AMD	60	1	12		83	NHATHAU	Vietnamese
16	NGUYEN HOANG MENCH	AMD	57-58	2	12		65	NHATHAU	Vietnamese
17	PHAN TUAN ANH	AMD	55-56	2	12		95	NHATHAU	Vietnamese
18	NGUYEN VAN HAN	AMD	63-64	2	12		57	NHATHAU	Vietnamese
19	NGUYEN VAN HAI	AMD	61-62	2	12		62	NHATHAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	19	33	241	1.291	0	22		
TOTAL		19	33	241	1.291	0	22		
WEIGHT KG				241	1.291	0			

GRAND TOAL: 1.532 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/09/2020 FLIGHT: 02	FROM: VT TO: AMD - TGTH5	AIRCRAFT: 427 CREW: Hồi - KHOÀN - Toan	ETD: 11:30 ETA: 13:10
--------------------------------	-----------------------------	---	--------------------------

ROUTE: VT - AMD - TGTH5 - VT

No.	PAXNAME	COMPANY	NATIONALITY	PASSPORT	TAG	BAG		BODY	
						PCS	KGS	W.T	
SECTOR 1 : VT - AMD									
1	NIL PAX					0	0		
	PAX OUT	0		PAX IN	6	WT:	0	0	0
SECTOR 2 : VT - TGTH5									
2	NIL PAX					0	0		
	PAX OUT	0		PAX IN	16	WT:	0	0	0
	TOTAL	0							

FREIGHT

No.	FREIGHT DESCRIPTION	TAG	DEST.	QTY	WEIGHT (KGS)
1					

REMARK :

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN




CONFIRMED BY HLO (Name \$ signature)

1. TOTAL OF PAX

2. FREIGHT \$ BAG:

PAX.WEIGHT

0

BAG.WEIGHT

0

CARGO WEIGHT

0

TOTAL

0

FINISHED: 00:00

FUEL



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 11:27
FLIGHT: 03	TO: TD2	CREW: HHai - TRUỜNG	ETA: 14:40
DO-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN CÔNG CHÍNH	TD2	62-64	3	15		80	DUNG QU.	Vietnamese
2	LUU QUANG ĐẠT	TD2	82	1	9		69	XN CĐ	Vietnamese
3	NGUYỄN TUẤN VIỆT	TD2	78	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN NAM	TD2	86,91	2	12	62	87	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN HỒNG ĐIẾP	TD2	80-81	2	12		69	CODIEN	Vietnamese
6	MAI ĐÌNH KHANG	TD2	83	1	11		46	CODIEN	Vietnamese
7	LÊ THANH HIẾU	TD2	84-85	2	15		72	CODIEN	Vietnamese
8	BUI VĂN MINH	TD2	77	1	12		60	CODIEN	Vietnamese
9	MAKAROV	TD2	76	1	12		86	ANTOAN	Russian
10	LUƠNG MẠNH HẢI	TD2	65	1	15		70	DVL	Vietnamese
11	VŨ MẠNH NAM	TD2	70	1	10		72	DVL	Vietnamese
12	LE VAN THANG	TD2	61	1	12		67	DVL	Vietnamese
13	NGÔ TRI HOANG	TD2	66	1	7		65	DVL	Vietnamese
14	NGUYỄN PHƯỚC ĐIỂN	TD2	92	1	8		55	PHUC NGU	Vietnamese
15	PHAN THANH THÔNG	TD2	93,60	2	12		70	PHUC NGU	Vietnamese
16	HO CHI CONG	TD2	79	1	6		73	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	16	22	176	1.117	62	10		
TOTAL		16	22	176	1.117	62	10		
WEIGHT KG				176	1.117	62			

GRAND TOAL: 1.355 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN